TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2017
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ông Thanh Bạch.**

2. Ông **Nguyễn Thanh Màu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Phước Đạt,** thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đồ Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Th**ạch Thị T** (tên gọi khác là P), sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số T, đường H, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Giang B**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số Đ, đường H, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người phiên dịch: Ông **Sơn Si V** (có mặt).

Nơi công tác: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và ông Giang B tổ chức đám cưới vào năm 2011, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2012. Trong thời gian chung sống ông B thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, xô đuổi bà Th nhiều lần. Đặc biệt vào ngày 24/12/2013 ông B có hành vi bạo lực đuổi bà Th nên bà Th về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Bà Th và ông B đã sống ly thân từ ngày 24/12/2013 cho đến nay.

- Về con chung: Bà Th và ông B có một con chung là cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay cháu T đang sống chung với ông B.

- Về tài sản chung: Bà Th và ông B có 01 lượng vàng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Thạch Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Giang B.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Th đồng ý giao cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tcho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không cấp dưỡng cho cháu T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Giang B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời điểm tổ chức đám cưới, thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khi ông B bệnh thì bà Th không chăm sóc, lúc đó vì tức giận nên ông B đã đuổi bà Th về nhà mẹ ruột của bà Th. Ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Ông B đã nhiều lần đến nhà mẹ ruột của bà Th khuyên bà Th về chung sống nhưng bà Th không đồng ý.

Nay ông B vẫn còn tình cảm với bà Th nên ông B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

- Về con chung: Ông B và bà Th có một con chung là cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay cháu T đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn, ông B đồng ý nuôi dưỡng cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012 cho đến khi cháu Tđủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B yêu cầu bà Th cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng là 1.000.000đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và ông Giang B xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do bất đồng quan điểm sống, cư xử không tôn trọng nhau, ông Giang B thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, xô đuổi bà Th không cho bà Th sống chung nhà. Đặc biệt vào ngày 24/12/2013 ông B tiếp tục có hành vi bạo lực đuổi bà Th nên bà Th về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Ông B thì cho rằng là do khi ông B bệnh thì bà Th không chăm sóc, lúc đó vì tức giận nên ông B đã đuổi bà Th về nhà mẹ ruột của bà Th. Ông, bà cũng đã thừa nhận đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th cho bà Th được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà Th và ông B có một người con chung là cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay cháu T đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn, bà Th đồng ý giao cháu Tcho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tđủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết ông B cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, từ trước đến nay cháu T sống chung với ông B, cuộc sống của cháu T đang ổn định và ông B cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, giao cháu T cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B yêu cầu bà Th cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bà Th không cấp dưỡng cho cháu T.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con theo hướng dẫn tại điểm 2, mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp một số vấn đề áp dụng pháp luật thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với 01 người con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết buộc bà Th có trách nhiệm đóng góp tiền cho ông B để nuôi con chung tên Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012, số tiền là 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bà Thạch Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Giang Gia T

mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Th không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2017 ông B trình bày có một số tài sản và sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Vào ngày 16/6/2017 Tòa án có ra Thông báo số 563/TB-TA về việc thông báo cho ông ông B biết, nếu ông B có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án này thì ông phải làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B có trực tiếp nhận thông báo này vào ngày 23/6/2017 nhưng ông B không làm đơn gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th và ông B trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí:

- Bà Thạch Thị T phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

- Bà Thạch Thị T phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung; Đối với phần cấp dưỡng đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn theo hướng dẫn tại điểm 2, mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp một số vấn đề áp dụng pháp luật thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với 01 người con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết **326**/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Giang B.

2. Về con chung: Giao cho ông Giang B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang Gia T, sinh ngày 20/02/2012 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thì Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T số tiền 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bà Thạch Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Giang Gia T mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thì Thùy và ông Giang B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Thạch Thì Thùy và ông Giang B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Thạch Thì Thùy phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007041 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Th đã nộp xong án phí ly hôn.

- Bà Thạch Thì Thùy phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường M, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thanh Loan